

# Sở hữu xã hội chủ nghĩa và sở hữu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

ĐÀM KIẾN LẬP

*LTS: Sở hữu XHCN là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà chính trị, của giới khoa học, các nhà kinh tế và là một trong nội dung quan trọng cần làm rõ trong Cương lĩnh, Văn kiện Đại hội XI của Đảng. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế giới thiệu bài viết về chủ đề này của tác giả Đàm Kiến Lập để bạn đọc tham khảo và trao đổi.*

*Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, mỗi chế độ xã hội đều dựa trên một chế độ sở hữu đặc trưng của nó và theo đó, Chủ nghĩa xã hội (CNXH) sẽ dựa trên chế độ sở hữu công cộng XHCN; thế nhưng sở hữu XHCN là như thế nào vẫn chưa được làm rõ. Bài viết này mong muốn làm rõ thêm tính tất yếu và điều kiện ra đời của sở hữu XHCN, đặc trưng bản chất, cấu trúc và cơ chế vận động vì mô của chúng, sự khác biệt giữa chúng với sở hữu tư nhân, tư bản chủ nghĩa (TBCN) và đặc điểm của sở hữu quá độ XHCN, nhằm góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận để bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam<sup>1</sup>.*

## 1. Tính tất yếu, điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển của sở hữu XHCN

### 1.1. Tính tất yếu khách quan của sự ra đời sở hữu XHCN

Vấn đề này đã được nghiên cứu nhiều. Ở đây, xin làm rõ thêm một số cơ sở lý luận và thực tiễn:

- Về cơ sở lý luận:

+ *Trước hết*, nhiều người nhìn vào thực tiễn các doanh nghiệp nhà nước cho rằng chế độ công hữu không thể hoạt động có hiệu quả, thế nhưng *luật đối ngẫu<sup>2</sup>* của giới tự nhiên và xã hội hoàn toàn bác bỏ điều đó.

+ *Thứ hai, theo quy luật phủ định của phủ định của phép biện chứng duy vật, loài người tất yếu sẽ đi tới chế độ công hữu XHCN. Các Mác đã từng nói đến điều này: "...nên sản xuất TBCN lại để ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên."<sup>3</sup>*

+ *Thứ ba, theo học thuyết giá trị lao động thì giá trị thặng dư là do người lao động tạo ra, mà khuynh hướng vận động khách quan của xã hội là ngày càng dân chủ, công bằng*

hơn, do đó tất yếu giá trị thặng dư sẽ được phân phối ngày càng nhiều hơn cho người lao động.

+ *Thứ tư, giữa người lao động và chủ doanh nghiệp luôn có sự thống nhất và đấu tranh lẫn nhau, ở mức thấp là đấu tranh kinh tế, cao hơn trở thành đấu tranh chính trị; giữa các doanh nghiệp cũng luôn có sự*

---

Đàm Kiến Lập, ThS., Văn phòng Trung ương Đảng.

1. Để làm rõ sở hữu XHCN, tác giả đã xuất phát từ việc nghiên cứu làm rõ sở hữu là gì? Cấu trúc và cơ chế vận động vì mô của chúng như thế nào? Chúng có những thuộc tính gì và xu hướng vận động khách quan của chúng ra sao? Những nội dung này đã được thể hiện trong 2 bài báo đăng trên Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số tháng 11 và 12/2009 : (1) Vấn đề sở hữu ở Việt Nam hiện nay; (2) Cấu trúc sở hữu, các tính chất và xu hướng vận động của nó. Xin tham khảo thêm các bài báo đó để đọc bài này để hiểu hơn.

2. Theo luật đối ngẫu: nếu tồn tại khách quan một trường hợp gọi là "A", thì tất yếu cũng có trường hợp đối lập với "A" tồn tại và được gọi là "-A", và cũng có trường hợp vừa không phải là "A", cũng không phải "-A" cùng tồn tại và được gọi là "A0". Điển hình là các electron, proton, neutron. ở đây là tư hữu, công hữu, sở hữu hỗn hợp.

3. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n (1997), *Toàn tập, tập 37, Phần I*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 618.

cạnh tranh lẫn nhau. Do đấu tranh kinh tế, chính trị và cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt, tất yếu dẫn đến người lao động sẽ được chia lợi nhuận và có cổ phần trong các doanh nghiệp ngày càng nhiều, đến một độ nào đó nhất định sở hữu XHCN được hình thành một cách phổ biến và điển hình.

- Về mặt thực tiễn:

+ Một là, xu thế xã hội hóa sở hữu đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi thế giới tất yếu sẽ dẫn đến sự ra đời chế độ sở hữu XHCN. Qua khái quát lịch sử vận động của sở hữu cho thấy: từ hình thức sở hữu mang tính chất cộng đồng tự nhiên, nguyên thủy chuyển hóa thành sở hữu tư nhân mang tính chất cá thể, tiểu chủ, rồi phát triển thành sở hữu tư nhân TBCN (tư bản cá nhân); từ tư bản cá nhân tiếp tục chuyển hóa thành tư bản tập thể và tư bản xã hội, đó là những hình thức sở hữu đã có sự biến đổi một bước về chất các bộ phận cấu thành sở hữu (từ chủ thể sở hữu, đối tượng sở hữu, các quyền và lợi ích sở hữu), từ tính chất tư nhân sang tính chất xã hội. Theo xu hướng đó, các hình thức sở hữu quá độ này tất yếu sẽ tiếp tục chuyển hóa và dẫn đến ra đời sở hữu XHCN.

+ Hai là, sự phân hóa chức năng, tách các quan hệ quản lý, sử dụng, phân phối ra khỏi các quan hệ sở hữu trong quá trình xã hội hóa sản xuất và sở hữu, làm xuất hiện vấn đề "Người đại diện"<sup>4</sup> trong các doanh nghiệp hiện đại là một biểu hiện thực tế, phổ biến của quá trình "thả hóa tư bản" đã và đang diễn ra. Quá trình này tất yếu dẫn tới hình thành các quan hệ sở hữu xã hội hóa XHCN.

(1) Để hiểu rõ hiện tượng khách quan này, trước hết cần xem xét xu hướng vận động, phát triển cấu trúc chủ thể của quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất<sup>5</sup>; đó là xu hướng hình thành, vận động, phát triển của cấu trúc 3 chủ thể cơ bản (chủ thể sở hữu, chủ thể quản lý và chủ thể sử dụng) trong các loại hình tổ chức kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng trong quá trình phát triển sản xuất xã hội<sup>6</sup>.

(2) Đi sâu xem xét sự vận động của cấu trúc chủ thể trong công ty cổ phần cho thấy các chủ thể sở hữu, quản lý, sử dụng đã được xác lập và vận hành theo nguyên tắc "tam quyền phân lập". Nguyên tắc này đã được thực tiễn lịch sử chứng minh là đã giải quyết

4. Đây là một vấn đề nan giải nổi lên trong thực tiễn quản lý doanh nghiệp ở các nước kinh tế phát triển.

5. Sự vận động, phát triển của cấu trúc chủ thể trong lịch sử hình thành, phát triển các loại hình doanh nghiệp:

- Khi nền kinh tế còn là sản xuất nhỏ: quyền sở hữu, quản lý và sử dụng thống nhất với nhau trong cùng một chủ thể. Nói cách khác, chủ thể sở hữu cũng vừa là chủ thể quản lý và là chủ thể sử dụng. Tất cả đều cùng tồn tại trong một đơn vị kinh tế cơ sở là hộ cá thể.

- Khi kinh tế hàng hóa phát triển đến một trình độ nhất định thì quyền sở hữu và quyền sử dụng tách rời nhau. Sự tách rời này có 2 mức độ tương ứng với 2 trình độ phát triển:

+ Một là, tách rời tương đối nhưng vẫn tồn tại trong cùng một đơn vị kinh tế cơ sở là doanh nghiệp tư nhân. Trong trường hợp này chủ thể sở hữu vẫn vừa là chủ thể quản lý kinh doanh và xuất hiện thêm chủ thể sử dụng là người lao động làm thuê.

+ Hai là, chủ thể sử dụng tách ra khỏi chủ thể sở hữu và trở thành chủ thể kinh doanh tương đối độc lập, trong đó có chủ thể quản lý kinh doanh và chủ thể sử dụng là người lao động. Đồng thời còn có một chủ thể được tách ra khỏi chủ thể sở hữu và trở thành chủ thể độc lập nữa là chủ thể kiểm soát.

Nói cách khác, sản xuất phát triển dẫn đến phát sinh quyền sử dụng độc lập gọi là quyền kinh doanh và tương ứng là chủ thể kinh doanh. Đồng thời cũng phát sinh thêm quyền quản lý kinh doanh cùng chủ thể quản lý kinh doanh và quyền kiểm soát cùng chủ thể kiểm soát. Trong đó cả chủ thể sở hữu, chủ thể kinh doanh và chủ thể kiểm soát đều tương đối độc lập với nhau. Do đó việc thực hiện các quyền trong 2 trường hợp này cũng rất khác nhau:

Trường hợp thứ nhất, chủ thể sở hữu vẫn thực hiện hầu hết các quyền năng sở hữu do vẫn trực tiếp quản lý kinh doanh, vẫn nắm quyền sử dụng chung đối với đơn vị kinh tế.

Trường hợp thứ hai, chủ thể sở hữu chủ yếu chỉ được quyền kiểm soát, tham gia phân phối và hưởng lợi. Chủ thể sử dụng trở thành chủ thể kinh doanh độc lập cho nên hầu như được toàn quyền giống như chủ thể sở hữu, chỉ khác là đồng thời phải có nghĩa vụ phải bảo đảm những lợi ích tương xứng cho chủ thể sở hữu mà pháp luật đã thừa nhận.

Trong trường hợp thứ nhất đã có phát sinh nhất định một loại quyền tương đối căn bản nhưng vẫn còn thống nhất trong chủ thể sở hữu, đến đây thì quyền năng này và chủ thể tương ứng của nó là chủ thể quản lý kinh doanh, cùng với chủ thể kinh doanh cũng được tách ra độc lập với chủ thể sở hữu và nằm trong chủ thể kinh doanh.

6. Ở đây cần hiểu rằng, sở hữu tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất là sở hữu toàn bộ tổ chức kinh tế như là một chỉnh thể, một cơ thể sống chứ không chỉ là sở hữu những công cụ, tư liệu sản xuất riêng lẻ, rời rạc.

thành công, có hiệu quả vấn đề quyền lực chính trị công cộng, gắn liền theo đó là sự ra đời của CNTB. Qua nghiên cứu sự vận động của cấu trúc vi mô của quan hệ sở hữu cho thấy nguyên tắc này sẽ tiếp tục giúp loài người giải quyết tốt vấn đề quyền lực kinh tế công cộng (tức công hữu) và gắn liền theo đó là sự tất yếu ra đời sở hữu XHCN.

Từ thực tiễn các nước kinh tế phát triển cho thấy cấu trúc chủ thể trong các doanh nghiệp hiện đại đã đạt trình độ phân lập thành 3 loại chủ thể cơ bản nói trên, nhưng trong doanh nghiệp TBCN thì chủ thể sử dụng vẫn chỉ là người làm thuê. Đến khi chuyển thành doanh nghiệp XHCN, chủ thể sử dụng mới có quyền tham gia quản lý, phân phối, hưởng thụ lợi nhuận do lao động của mình sáng tạo ra, tức được tham gia làm chủ sở hữu thực chất. Quá trình chuyển hóa chủ thể sử dụng thành chủ thể sở hữu thực chất là quá trình tha hóa chủ thể sở hữu, cũng chính là sự “tha hóa tư bản”, “tha hóa của vốn” và nó đang là một xu hướng lớn hiện nay. Do đó có thể nói sở hữu XHCN là sở hữu thực chất, trực tiếp của người sử dụng.

+ *Ba là, lực lượng sản xuất và phân công lao động đã đạt trình độ xã hội hóa cao, mang tính chất toàn cầu:* sở hữu là sản phẩm của lao động, cho nên sự vận động và phát triển của nó cũng gắn liền với sự phát triển phương thức lao động của con người. Sở hữu tư nhân do phân công lao động mà có<sup>7</sup>, thì cũng chính sự phát triển của phân công lao động sẽ dẫn đến sự ra đời của sở hữu XHCN.

+ *Bốn là, do mâu thuẫn cơ bản của CNTB ngày càng gay gắt, dẫn đến khủng hoảng TBCN có tính chu kỳ ngày càng trầm trọng, từ đó thúc đẩy sự hình thành sở hữu XHCN:* đình trệ kinh tế dẫn đến tài chính hóa nền kinh tế để khắc phục đình trệ. Nhưng tài chính hóa lại tạo ra đình trệ nặng nề hơn<sup>8</sup> bởi sức mua của người dân có hạn so với khả năng sản xuất vượt trội của nền kinh tế. Để nâng cao nhu cầu có khả năng thanh toán của xã hội, thì cách giải quyết căn cơ là phải phân chia lợi nhuận cho người

lao động. Đó là đòi hỏi khách quan để tiếp tục tăng trưởng kinh tế, khắc phục khủng hoảng chu kỳ. Thực tiễn vận động, phát triển các quan hệ sở hữu ở các nước phát triển cho thấy rất rõ tính tất yếu này, nhất là qua việc xây dựng tương đối thành công mô hình CNXH dân chủ thông qua điều hòa phúc lợi xã hội, qua việc xây dựng chế độ “kinh tế phân chia hưởng thụ” và thực hiện rộng rãi “*chương trình phân phối cổ phiếu cho công nhân viên làm thuê*”; đặc biệt là sự tách biệt giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng do tài chính hóa kinh tế ngày càng trở nên phổ biến... đó là những biểu hiện cụ thể của sự chuyển hóa chế độ sở hữu, chế độ xã hội từ TBCN sang XHCN ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô, trong sự tác động qua lại, biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua càng cho thấy rõ xu hướng tất yếu này.

### 1.2. Điều kiện ra đời sở hữu XHCN

Để sở hữu XHCN có thể ra đời, tồn tại và phát triển trở thành quan hệ sở hữu điển hình, phổ biến, đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. Điều kiện khách quan cơ bản nhất là *lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ hiện đại và xã hội hóa cao*, dẫn đến tích tụ, tập trung sản xuất kinh doanh với quy mô lớn và phân công lao động xã hội diễn ra sâu rộng trong phạm vi doanh nghiệp, xã hội và toàn cầu<sup>9</sup>, khi đó hình thức sở hữu tư nhân TBCN không còn phù hợp và dẫn đến hình thành những quan hệ sở hữu mới - sở hữu XHCN. Sự phát triển cao độ của lực lượng sản xuất tạo ra những điều kiện thiết yếu cụ thể như:

7. Viện Thông tin Khoa học (1995), “*Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại*”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 2-4.

8. J. B. Foster (2008), “*Tài chính hóa và khủng hoảng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa*”, *Thông tin những vấn đề lý luận-Phục vụ lãnh đạo*, số 17-2008, tr. 29.

9. Cùng với sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học công nghệ, trên thế giới đang nổi lên 2 khuynh hướng: tập trung hóa, liên kết hóa và phân tán hóa, chuyên sâu hóa, nhưng ràng buộc chặt chẽ lẫn nhau.

- *Lượng vốn* (lao động quá khứ, tư bản) trong xã hội được tích lũy dồi dào, đến mức nó không còn là nhân tố hàng đầu quyết định đối với phát triển kinh tế, mà lao động sống có chất lượng cao, nhất là năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và lao động sáng tạo, tức là năng lực sử dụng vốn mới giữ vai trò quyết định. Điều kiện này đang trở thành hiện thực, qua cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu với những gói kích cầu khổng lồ và lãi suất cho vay giảm đến mức gần bằng 0, kéo dài cho thấy rõ điều đó.

- *Sự tách biệt chuyên sâu các quan hệ, các quyền, các chủ thể sở hữu, quản lý, sử dụng, phân phối* là điều kiện, tiền đề để chủ thể sử dụng chuyển hóa thành chủ thể sở hữu thực chất, tức là tư bản tự tha hóa.

- *Các chủ thể quản lý, sử dụng phải có ý thức và năng lực làm chủ*, tức đội ngũ cán bộ, công nhân hiện đại không những phải ý thức đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và lợi ích của mình, mà còn phải hiểu biết tổ chức, quản lý có hiệu quả đối tượng sở hữu đã đạt trình độ kỹ thuật hiện đại và tính xã hội hóa cao.

Bên cạnh những điều kiện khách quan trên, cũng cần có *điều kiện chủ quan là sự ý thức, tính tự giác của con người*: tức là thông qua các đảng chính trị và nhà nước tiến bộ để thúc đẩy nhanh sự ra đời chế độ sở hữu mới, ưu việt hơn trước những thách thức của cuộc sống.

Tóm lại, sự vận động của “bàn tay vô hình” là nhân tố cơ bản, tính tự giác là nhân tố quan trọng tạo điều kiện cho sự hình thành, phát triển sở hữu XHCN.

### 2. Những đặc trưng cơ bản của sở hữu XHCN

Cần lưu ý rằng, các quan hệ sở hữu XHCN phải trải qua sự thử thách, chất lọc khắc nghiệt của thực tiễn mới thành hình và phát triển với đầy đủ tính ưu việt của nó. Với tư cách là những quan hệ kinh tế hiện thực khách quan, sở hữu XHCN không phải công bằng, cao đẹp, một cách lý tưởng, đến mức ảo tưởng như nhiều người quan niệm<sup>10</sup>.

Để nhận thức các quan hệ sở hữu XHCN về tư liệu sản xuất (TLSX) đúng như “nó” là “nó”, cần định tính, định dạng, định lượng và so sánh nó với sở hữu tư TBCN để thấy rõ sự khác biệt về bản chất, cấu trúc và cơ chế vận động của chúng.

#### 2.1. Định tính quan hệ sở hữu XHCN về TLSX

- Theo Chủ nghĩa Mác – Lênin, chế độ sở hữu dưới CNXH là sở hữu công cộng<sup>11</sup>. Dưới CNXH, sở hữu tư nhân TBCN sẽ phải bị loại bỏ, sở hữu công cộng sẽ được xác lập, trở thành nền tảng và sở hữu cá nhân được khôi phục “trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra”<sup>12</sup>. Dựa vào những tư tưởng của Các Mác, Sergei Alekseev<sup>13</sup> cho rằng *dấu hiệu quan trọng của sở hữu XHCN là địa vị của người lao động như chủ sở hữu toàn quyền đối với điều kiện và kết quả của sản xuất*. Cần phải hiểu sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất có nghĩa là tư liệu sản xuất *thuộc sở hữu của tất cả mọi người và thuộc về mỗi người*<sup>14</sup>.

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam từ trước đến nay về cơ bản vẫn theo quan niệm của Chủ nghĩa Mác – Lênin và cho rằng chế độ sở hữu mang tính XHCN là hình thức sở hữu

10. Cũng như loài người tiến hóa, văn minh, nhân đạo hơn loài vượn, nhưng trong xã hội không phải con người không còn tính dã man, không chịu sự thử thách của môi trường sống.

11. Thực ra, các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác – Lênin cũng chưa thống nhất tên gọi, thuật ngữ khi đề cập đến sở hữu dưới chế độ XHCN và CSCN. Khi nói đến sở hữu công cộng, các ông thường sử dụng các từ: sở hữu công cộng, sở hữu xã hội, sở hữu toàn dân, sở hữu chung, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể (như trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản: “Sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội”) với nội hàm không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với nhau.

12. C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1997), Toàn tập, tập 37, Phần I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 618.

13. Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Nga.

14. Viện Thông tin Khoa học (1995), “Tổng luận phân tích: Một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại”, Tài liệu của Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 13.

công cộng về tư liệu sản xuất, cụ thể là: sở hữu toàn dân (đối với đất đai, tài nguyên khoáng sản), sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

- Để nhận thức đúng các quan hệ sở hữu XHCN, trước hết cần thấy rằng CNXH, chủ nghĩa cộng sản (CNCS) với tư cách là sản phẩm khách quan của sự phủ định biện chứng nhất định nó sẽ ưu việt, công bằng hơn hẳn CNTB, nhưng không có nghĩa là không còn mâu thuẫn xã hội, vì vậy cần phải có một quan niệm đúng đắn, khoa học về công bằng, bình đẳng. Muốn vậy *phải xuất phát từ học thuyết giá trị lao động*, bởi lao động là nguồn gốc tạo ra mọi của cải của xã hội, do đó một xã hội được gọi là công bằng phải đảm bảo người làm ra của cải phải là chủ sở hữu của những của cải đó. Tuy nhiên, để những quan niệm, tư tưởng cao đẹp đó đảm bảo tính hiện thực, không ảo tưởng, cần *đứng trên lập trường duy vật biện chứng* để thấy rằng các quan hệ sở hữu XHCN phải là sản phẩm của quá trình lịch sử tự nhiên, do đó phải tìm kiếm nó từ trong xu hướng vận động, tiến hóa khách quan của thực tiễn chứ không phải từ sự suy lý, chủ quan. Từ quan điểm đó và qua nghiên cứu xu hướng vận động khách quan của sở hữu trong thực tiễn<sup>15</sup>, cho phép khẳng định:

+ Sở hữu XHCN trước hết là *sở hữu công cộng*, nhưng không phải mọi hình thức công hữu đều là sở hữu XHCN, mà phải là sản phẩm của nền sản xuất hiện đại, đạt trình độ xã hội hóa cao, tức là *sở hữu xã hội hóa cao*.

+ Sở hữu XHCN là sở hữu mang tính xã hội, cộng đồng nhưng không vô chủ, trừu tượng, bởi nó đồng thời là *sở hữu thực chất của những cá nhân, những nhóm người lao động cụ thể*, tất cả cùng tồn tại trong một thể thống nhất. Như vậy, dấu hiệu của sở hữu XHCN không phải ở chỗ tuyệt đối hóa tính công cộng hoặc ngược lại tuyệt đối hóa địa vị của người lao động như nhiều người quan niệm, mà là ở *chỗ địa vị của người lao động và vai trò của tập thể, của tính cộng*

*đồng đều được đề cao* (cao hơn so với sở hữu TBCN).

+ Trong các hình thức tồn tại cụ thể của sở hữu XHCN, các cá nhân, nhóm cá nhân gắn kết, tác động và ràng buộc chặt chẽ với nhau theo những *phương thức tổ chức, quản lý tiên tiến, hiện đại*, để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; đồng thời đảm bảo cho những giá trị, lợi ích được tạo ra trong quá trình đó được *phân phối hài hòa cho các cá nhân, các nhóm và cả cộng đồng, theo nguyên tắc lao động nhưng vẫn đảm bảo duy trì quá trình tái sản xuất ngày càng mở rộng*. Nguyên tắc phân phối ở đây được hiểu là giá trị thặng dư (m) được tạo ra sau khi trích lập quỹ tái sản xuất mở rộng sẽ được phân phối cho người lao động theo mức cống hiến chứ không chỉ hoặc không phải cho người đầu tư vốn.

### 2.2. Định dạng quan hệ sở hữu XHCN về TLSX

Để hình dung rõ hơn sở hữu XHCN cần định dạng chúng, tức là nhận diện đặc điểm cấu thành và cơ chế vận động của chúng.

- Về chủ thể sở hữu: thứ nhất, *chủ thể sở hữu XHCN mang tính chất cộng đồng*, nhưng trong đó có chủ thể sở hữu chung và chủ thể sở hữu thành viên và/hoặc bộ phận. Chủ thể sở hữu chung là một chỉnh thể mang tính cộng đồng, chủ thể sở hữu thành viên, bộ phận là các chủ thể đồng sở hữu. Chủ thể sở hữu chung có thể là một tập hợp hữu hạn, hoặc vô hạn do không hoặc khó xác định cụ thể (như sở hữu toàn dân). Chủ thể sở hữu thành viên là một đồng sở hữu cho nên không phải là chủ thể sở hữu đầy đủ như chủ thể sở hữu chung. Các đồng sở hữu có thể có những quyền và nghĩa vụ khác nhau về mức độ, số lượng thẩm quyền và nghĩa vụ tùy thuộc mức đóng góp công sức, nguồn vốn hình thành đối tượng sở hữu, vai

15. Xem "Cấu thành sở hữu, các tính chất và xu hướng vận động của nó", Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số tháng 12/2009, tr.3-13.

trò trong tổ chức bộ máy quản lý, từ đó có thể được thụ hưởng lợi ích khác nhau, cần được giới định rõ ràng để bảo đảm cụ thể, chặt chẽ, hài hòa. Thứ hai, do tính cộng đồng của chủ thể sở hữu nên phải luôn thông qua chế độ đại diện để thống nhất thực hiện các quyền và nghĩa vụ sở hữu, thống nhất tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động và phân phối lợi ích sở hữu. Điều này làm cho sở hữu công cộng có ưu điểm lớn là có khả năng tạo ra sức mạnh tổng hợp, vượt trội, nhưng nó cũng có khả năng rủi ro rất cao do tính chất rộng lớn và chế độ đại diện mang lại mà vấn đề "người đại diện" là một điển hình. Thứ ba, trong hiện thực, chủ thể sở hữu XHCN luôn phái sinh thành nhiều loại chủ thể khác nhau như: chủ thể đại diện chủ sở hữu, chủ thể quản lý điều hành, chủ thể kiểm soát, chủ thể sử dụng... Tất cả đều là những "ông chủ"<sup>16</sup>, có quyền, lợi ích và nghĩa vụ cụ thể tương xứng với vai trò, địa vị, sự cống hiến của mình để đảm bảo cho tổ chức được vận hành có hiệu quả. Như vậy sở hữu XHCN không phải là vô chủ.

- Về đối tượng sở hữu: đối tượng sở hữu thường là một thực thể phức hợp cả về cấu tạo kỹ thuật, giá trị sử dụng và giá trị, nhưng là một chỉnh thể có tính chất và trình độ xã hội hóa cao, do cộng đồng nhiều người góp phần tạo ra. Nó có giá trị sử dụng đa dạng và có giá trị thường lớn; giá trị sử dụng và giá trị phụ thuộc vào cung cầu thị trường và cách thức quản lý, sử dụng. Sở hữu doanh nghiệp (các tập đoàn kinh tế, các công ty đại chúng, xuyên quốc gia,...), sở hữu thương hiệu, sở hữu các quỹ tài chính quốc gia, quốc tế, sở hữu đất đai, sở hữu phần mềm, phần nhiều sở hữu trí tuệ... là những điển hình<sup>17</sup>.

- Về tổ hợp các quyền và nghĩa vụ của sở hữu XHCN: đặc điểm thứ nhất là sự phân quyền, nói đúng, đầy đủ hơn là các quyền và nghĩa vụ sở hữu phân hóa sâu, được chia nhỏ<sup>18</sup> và phân giao cho nhiều chủ thể để cùng thực hiện, đồng thời để cùng kiểm soát, chế ước lẫn nhau trong việc chiếm giữ, quản

lý, sử dụng, phân phối lợi ích và định đoạt số phận của đối tượng sở hữu, nhằm đảm bảo tổ chức quản lý chặt chẽ, hiệu quả và phân phối công bằng theo nguyên tắc lao động. Cho nên áp dụng phương thức thực hiện sở hữu TBCN cho sở hữu XHCN không đủ bảo đảm được tính "có chủ", hiệu quả. Thực trạng các doanh nghiệp nhà nước cho thấy rõ điều này. Thứ hai là cách thức thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác hẳn sở hữu tư nhân. Do các chủ thể tham gia sở hữu đều có quyền và nghĩa vụ nhất định, nên các quyền, nghĩa vụ đó phải được tổ chức thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ<sup>19</sup>, thông qua mô hình "tam quyền phân lập"<sup>20</sup> nhưng có những đặc điểm mới, để đảm bảo tổ chức, quản lý, thực hiện sở hữu chặt chẽ, hiệu quả theo nguyên tắc XHCN. Thứ ba là, nội dung và phương thức thực hiện các quyền và nghĩa vụ ở sở hữu XHCN khác căn bản so sở hữu tư nhân TBCN, đặc biệt là vấn đề phân phối<sup>21</sup>. Sở hữu tư nhân TBCN thực hiện nguyên tắc phân phối giá trị thặng dư công bằng theo vốn, còn sở hữu XHCN thực hiện theo nguyên tắc phân phối giá trị thặng dư công bằng theo mức đóng góp

16. Khái niệm ông chủ ở đây được hiểu là người có những quyền, lợi ích và nghĩa vụ nhất định trong quan hệ với người khác.

17. Sở hữu thời kỳ CSNT, đối tượng sở hữu chủ yếu lấy từ tự nhiên (những đàn gia súc của các bộ lạc thì sao?).

18. Theo một học giả Mỹ là "chùm tia" gồm 11 quyền.

19. Viện sĩ Sergei Alekseev có lý khi cho rằng sở hữu XHCN "Không phải sở hữu xã hội, mà là sở hữu theo những nguyên tắc tập thể, nhưng đó là của chính những người sản xuất". (Viện Thông tin khoa học, "tổng luận phân tích: một số vấn đề về quan hệ sở hữu hiện đại", Tài liệu của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995", tr 11).

20. Không chỉ trong chính trị, để thực hiện quyền lực công cộng về kinh tế, tức công hữu, loài người cũng đã áp dụng có hiệu quả mô hình tam quyền phân lập để thống nhất thực hiện và chế ước lẫn nhau.

21. Cần phân biệt: quyền phân phối với tính cách là một quyền tổ chức, quản lý; khác với kiểu phân phối với tính cách là một hình thái, một kiểu quan hệ. Thực hiện việc, quyền phân phối có thể là cá nhân hoặc tập thể chủ sở hữu, nhưng kiểu cách phân phối là theo vốn hay theo lao động. Điều này quyết định bản chất của một kiểu quan hệ sở hữu. Cho nên sở hữu tập thể TBCN (tư bản tập thể, tư bản xã hội) khác hơn sở hữu XHCN.

có hiệu quả của sức lao động, gọi tắt là phân phối công bằng theo lao động. Thực hiện phân phối theo nguyên tắc này đồng nghĩa với việc coi người lao động góp vốn bằng sức lao động của mình vào quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh và trở thành đồng chủ sở hữu, được tham gia làm chủ tài sản và quá trình sản xuất kinh doanh. Đây là đặc điểm bản chất nhất để phân biệt sở hữu công cộng XHCN với sở hữu tư nhân TBCN. Do đó khi đánh giá một quan hệ sở hữu hiện thực là “tư hữu” hay “công hữu” không thể chỉ dựa vào chủ thể sở hữu.

- Về lợi ích: đặc điểm của sở hữu XHCN là lợi ích mà nó mang lại rất phong phú, đa dạng và mang tính xã hội rất lớn. Lợi ích của nó không chỉ là thu nhập, đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn là những giá trị có ý nghĩa văn hóa, tinh thần. Nó không chỉ mang lại lợi ích cho những người sở hữu, quản lý, mà còn cho cả những chủ thể sử dụng là người lao động, thậm chí cho cả cộng đồng xã hội. Do đó nó được nhiều người trong xã hội quan tâm và nó có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy xã hội phát triển. Song, cái căn bản để phân biệt với sở hữu tư nhân TBCN là giá trị thặng dư do người lao động tạo ra được phân phối cho người sở hữu sức lao động chứ chủ yếu không phải cho người sở hữu tư liệu sản xuất, nói cách khác “tư liệu sản xuất” chủ yếu trong sở hữu XHCN chính là sức lao động, là lãnh đạo sống chứ không phải là tiền vốn, tức lao động quá khứ.

Như vậy quy luật giá trị vẫn được bảo đảm nhưng quy luật giá trị thặng dư có sự biến đổi về chất. Nó bảo đảm sức lao động vẫn được trả đúng giá, đồng thời trong quá trình sản xuất người lao động còn được phân phối giá trị thặng dư theo hiệu quả lao động.

### 2.3. Định lượng tính chất XHCN của quan hệ công hữu

Để tính toán, xác định tương đối chính xác tính chất XHCN của quan hệ sở hữu, có thể đưa ra công thức để lượng hóa chúng<sup>22</sup>. Như đã phân tích ở trên, tính chất XHCN của sở hữu (X) phụ thuộc vào 3 nhân tố cơ bản là

mức độ xã hội hóa của sở hữu, trình độ hiện đại của đối tượng sở hữu và vai trò, địa vị của người lao động, nhất là mức độ lợi ích mà họ được hưởng trong quá trình vận động của quan hệ sở hữu. Nhân tố thứ nhất thể hiện tính cộng đồng, nhân tố thứ hai phản ánh tính hiện đại, nhân tố thứ ba thể hiện tính cá nhân, cụ thể của sở hữu xã hội hóa.

Nhân tố thứ nhất được tính bằng lượng người tham gia sở hữu (gọi là n), so với lượng người tiềm năng có thể tham gia (N). Ví dụ trường hợp sở hữu đất đai: n là số người được quyền sử dụng đất; N là tổng dân số. Nhân tố thứ hai được tính bằng cách sử dụng hệ số xác định trình độ hiện đại của đối tượng sở hữu (k). Nhân tố thứ ba được tính bằng lượng giá trị thặng dư mà người lao động được hưởng (m<sub>2</sub>) so với tổng lượng giá trị thặng dư được tạo ra (M)<sup>23</sup>. Kết quả cho công thức:

Mức độ tính chất XHCN của sở hữu = Mức độ hiện đại của sở hữu x Mức độ xã hội hóa sở hữu x Mức độ giá trị thặng dư mà người lao động được hưởng

Tức là:  $X = k * n/N * m_2/M$

### 2.4. Phân biệt sở hữu XHCN với sở hữu TBCN

Để nhận thức rõ hơn sở hữu XHCN, cần so sánh sự khác biệt cơ bản giữa sở hữu XHCN với sở hữu TBCN. Ở đây có thể nói một cách khái quát là: sở hữu tư nhân mang tính chất riêng tư, sử dụng có tính chất riêng lẻ, thực hiện sở hữu theo phương thức tập trung chuyên quyền, lách vốn, tức lao động quá khứ làm tư liệu sản xuất chủ yếu và là căn cứ phân phối công bằng phần giá trị thặng dư được tạo ra. Sở hữu TBCN phát triển cao giảm dần tính chất tư nhân, tăng dần tính chất tập thể, cộng đồng, thực hiện sở hữu theo phương thức tập trung - dân chủ, “tam quyền phân lập”, nhưng về cơ bản vẫn do chủ thể sở hữu vốn quyết định và phân phối giá trị

22. Ở đây chỉ đưa ra công thức cơ bản, để có công thức chính xác cần một đề tài riêng.

23. m<sub>1</sub> là phần giá trị thặng dư chia cho người sở hữu vốn, m<sub>1</sub> + m<sub>2</sub> = M.

thặng dư căn cứ theo vốn. Còn sở hữu XHCN thể hiện rõ tính cộng đồng, tính xã hội cao, thực hiện sở hữu theo phương thức dân chủ - tập trung (tức đề cao hơn tính dân chủ so với phương thức tập trung - dân chủ), vẫn theo mô hình “tam quyền phân lập” nhưng vai trò của chủ thể sử dụng là người lao động được đề cao trong cơ chế thực hiện sở hữu và lấy lao động sống làm căn cứ chủ yếu để phân phối công bằng giá trị thặng dư. Có nghĩa là người lao động trở thành người chủ thực chất của quá trình tái sản xuất xã hội, hoặc ít nhiều họ cũng được thực sự tham gia quản lý và quyết định việc phân phối, sử dụng phần giá trị thặng dư này. Điều cần đặc biệt lưu ý là trong sở hữu XHCN, vai trò, địa vị của người lao động được đề cao và giá trị thặng dư được phân phối cho họ không phải do ý thức chủ quan, không chỉ vì tình cảm giai cấp, mà cái chính là do những yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh và cạnh tranh kinh tế thúc đẩy, đòi hỏi. Cũng cần lưu ý thêm, sự so sánh nêu trên có tính tương đối vì trong thực tế các hình thức sở hữu tồn tại muôn hình muôn vẻ, không dễ phân biệt nếu không sâu sát, phân tích kỹ lưỡng các hình thức sở hữu cụ thể, nhất là các hình thức sở hữu mang tính quá độ.

### **2.5. Định nghĩa sở hữu công cộng XHCN**

Từ những phân tích trên, có thể đi đến định nghĩa sở hữu XHCN như sau: *sở hữu XHCN là sở hữu có quy mô lớn, mang tính xã hội cao; tồn tại dưới nhiều hình thức đa dạng, có thể đan xen với các hình thức sở hữu khác trở thành hình thức sở hữu phức hợp<sup>24</sup>; vận động theo cơ chế dân chủ - tập trung, dựa vào khoa học công nghệ quản lý hiện đại và ý thức tự giác cao của các chủ thể tham gia đồng sở hữu; thực hiện phân phối giá trị thặng dư theo lao động, phân phối nhưng không chia, hoặc chỉ chia ở mức độ nhất định cho người lao động để đảm bảo quá trình tái sản xuất ngày càng mở rộng. Nói vắn tắt, sở hữu XHCN là sở hữu thực chất của những người lao động.*

### **3. Đặc điểm sở hữu trong thời kỳ quá độ lên CNXH, hay sở hữu quá độ XHCN**

Thời kỳ quá độ là thời kỳ chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác. Đặc điểm chung nhất của thời kỳ đó là tính hỗn hợp giữa những tố chất của chế độ xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới. Chế độ sở hữu trong thời kỳ quá độ lên CNXH có những đặc điểm như sau: *trước hết là sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu có tính chất và trình độ khác nhau: có cả những hình thức sở hữu tư nhân TBCN, sở hữu tập thể TBCN, sở hữu ít nhiều mang tính XHCN và có thể có cả sở hữu XHCN điển hình với đầy đủ bản chất của nó tùy vào trình độ phát triển của kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam qua đổi mới đã khắc phục được nhiều “sở hữu XHCN” mang tính hình thức, phát triển ngày càng phù hợp với thực chất của nền kinh tế ở giai đoạn đầu thời kỳ quá độ. Đó là nguyên nhân cơ bản, sâu xa mang lại thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới. Đặc biệt là, sự tồn tại của những hình thức sở hữu mang tính chất quá độ, nghĩa là có sự tồn tại của những hình thức sở hữu nửa TBCN và nửa XHCN. Đó là những hình thức sở hữu trong cấu trúc và cơ chế vận động của nó có mặt còn mang tính chất tư nhân, có mặt đã mang tính chất XHCN. Đây là những hình thức phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

### **Kết luận và kiến nghị**

Từ thực tiễn kinh tế, trên cơ sở phân tích cấu thành và cơ chế vận động của các quan hệ sở hữu TLSX cho thấy: sự hình thành sở hữu XHCN là quá trình khách quan với những điều kiện nhất định. Đặc trưng cơ bản của sở hữu XHCN là mang tính cộng đồng, nhưng về thực chất là sở hữu của người lao

---

24. Sở hữu phức hợp do nhiều hình thức sở hữu khác nhau hòa nhập lại hình thành hình thức sở hữu mới có bản chất khác hẳn so với bản chất của các hình thức sở hữu thành phần. Nó khác với sở hữu hỗn hợp, sở hữu hỗn hợp cũng do nhiều hình thức sở hữu hợp lại nhưng không hòa nhập vào nhau, chúng chỉ liên kết ở mức độ, phạm vi nhất định, không hình thành hình thức sở hữu mới nên bản chất các hình thức sở hữu thành phần về cơ bản không thay đổi.



động do những lợi ích của sở hữu được phân phối cho các chủ thể sử dụng là người lao động theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Có thể *định lượng tính chất XHCN của sở hữu* dựa vào tính chất xã hội của chủ thể sở hữu, trình độ hiện đại của đối tượng sở hữu và tỷ lệ giá trị thặng dư mà người lao động được hưởng. Trong thời kỳ quá độ có *nhiều hình thức sở hữu quá độ tồn tại*, đó là những quan hệ sở hữu lưỡng tính, có cấu thành chưa hoàn chỉnh, chưa là sở hữu XHCN nhưng cũng không còn thuần túy là sở hữu tư nhân TBCN.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, xin có một số ý kiến đóng góp cho dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) như sau:

### 1- Cương lĩnh cần khẳng định:

- *Thời đại ngày nay thật sự là thời đại quá độ lên CNXH*, đây là một xu thế tiến hóa tất yếu khách quan, diễn ra phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Không ít người cộng sản hiện nay không dám khẳng định điều này.

- *Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh... dựa trên chế độ công hữu XHCN về các TLSX chủ yếu*. Chúng ta cần nhấn mạnh đó là một xã hội dân chủ, vì dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là điều kiện cơ bản để đạt được dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh. Chúng ta không nên định kiến, dị ứng với khái niệm “xã hội dân chủ” của phương Tây, bởi xã hội dân chủ của ta là xã hội dân chủ XHCN, nó có sự tiếp thu, kế thừa có chất lọc và phát triển khác hơn, cao hơn dân chủ phương Tây. Chúng ta cũng cần nói rõ chế độ sở hữu trong xã hội XHCN, mà ta xây dựng là chế độ công hữu XHCN chứ không phải là công hữu chung chung, trừu tượng.

2- Để nhanh chóng kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH, cần nhận rõ Việt Nam còn đang ở chặng đường đầu. Do điểm xuất phát thấp, lại chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập vào nền kinh tế

thế giới, cho nên nền kinh tế Việt Nam có đặc điểm riêng là *tính kép* trong sự vận động, phát triển. Nghĩa là *trong nền kinh tế đang diễn ra song song và nối tiếp nhau hai quá trình khách quan, cơ bản là tha hóa lao động và tha hóa tư bản*. Nói cách khác là quá trình vừa hình thành, phát triển kinh tế thị trường TBCN, vừa chuyển hóa kinh tế thị trường TBCN lên kinh tế thị trường XHCN. Quá trình thứ nhất diễn ra mạnh và phổ biến hơn, nên có người cho Việt Nam “càng đổi mới thành công, càng gần hơn với CNTB”, hoặc “sở hữu tư nhân mới thực sự là nền tảng của nền kinh tế”, mà chưa chú ý để thấy quá trình thứ hai cũng đang diễn ra rất nhanh và ngày càng mạnh, tức là sở hữu tư nhân cũng đang “*tự*” và “*bị tha hóa*”, hiện tượng này cũng đã làm nhiều người ngộ nhận cho là kinh tế đa sở hữu mới ngày càng trở thành nền tảng, mà chưa thấy *chính sở hữu XHCN mới thực sự là nền tảng của nền kinh tế XHCN*.

Tính “kép” đó đòi hỏi, để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh hơn theo định hướng XHCN, nhất thiết phải kiên định vai trò then chốt, chi phối của kinh tế nhà nước; cần đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo phương thức XHCN<sup>25</sup>. Mặt khác, cần phải khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần, các hình thức kinh tế dân doanh; song không chỉ có thế mà còn phải chủ động, tích cực khuyến khích thúc đẩy nhanh quá trình tha hóa tư bản<sup>26</sup> trên cơ sở nắm vững và tuân thủ các quy luật khách quan, để tránh lặp lại sai lầm trước đây, hoặc đi từ cực này sang cực khác./

25. Xem: Đàm Kiến Lập (2005), “Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo phương thức XHCN”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 174, tháng 4-2005, tr. 24-26.

26. Cũng có thể gọi đây là quá trình xã hội hóa và ưu việt hóa sở hữu. Quá trình này có nội dung rộng hơn quá trình hình thành các hình thức tổ chức kinh tế cổ phần, kinh tế đa sở hữu, kinh tế có sở hữu hỗn hợp, sở hữu xã hội nói chung. Nó bao gồm cả việc phát huy vai trò làm chủ của người lao động, thực hiện phân chia lợi nhuận cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp...